TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/DS-ST
Ngày: 06-8-2024
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thạch Thị Sa The**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Tăng Văn Thành**;

Ông **Nguyễn Văn Hành**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tiêu Thanh Nhi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Lý Út Hoài –** Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 về "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Bà Tăng Thị Ki T**; Sinh năm 1964; Nơi cư trú: ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: **Bà Dương Bích T1**; Sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Số 586, ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Bà T và bà T1 có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/5/2024 (bút lục 01), trong quá trình giải quyết vụ án (bút lục 17 và 18) và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Tăng Thị Ki T trình bày:

Bà Tăng Thị Ki T và bà Dương Bích T có quen biết nhau, nên vào năm 2023, bà T1 có hỏi vay tiền của bà T nhiều lần, mục đích để làm ăn với tổng số tiền 764.000.000 đồng, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, bà T đưa tiền mặt cho bà T1, đồng thời bà T1 hứa sẽ trả cho bà T trong vòng một tháng. Do bà

T1 không đủ nguồn tiền trả cho bà T nên vào ngày 15/4/2024, bà T1 có viết biên nhận còn nợ bà T số tiền nêu trên và hứa sẽ trả cho bà T, nhưng cứ hứa mà không thực hiện. Nay bà T nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của bà bị xâm phạm, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc bà Dương Bích T trả cho bà T tổng số tiền vốn vay là 764.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi bốn triệu đồng); Bà T không yêu cầu bà T1 trả lãi.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp bao gồm: Căn cước công dân Tăng Thị Ki T (bản sao có chứng thực); Tờ xác nhận nợ ngày 15/4/2024 (bản sao); Đơn xin yêu cầu hỗ trợ gửi bản sao cho các đương sự khác; Đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí; Đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hào giải đối thoại

* *Theo Biên bản lấy lời khai (Bút lục từ 21 đến 22), trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Dương Bích T trình bày:*

Bà Dương Bích T xác định vào năm 2023, bà có vay của bà Tăng Thị Ki T nhiều lần, bà không nhớ số tiền của từng lần vay, nhưng bà nhớ tổng số tiền vay là 764.000.000 đồng, khi vay thì hai bên không thỏa thuận lãi, thời hạn vay là 01 tháng, mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân. Tuy nhiên, sau khi vay thì do công việc làm ăn của bà T1 không thuận lợi, nên dẫn đến mất khả năng chi trả. Đến ngày 15/4/2024, thì bà T mới đến gặp bà T1 yêu cầu trả nợ, nhưng do không có tiền trả, nên bà T yêu cầu bà T1 lập tờ xác nhận nợ và yêu cầu bà T1 trả số tiền nêu trên trong thời hạn 10 ngày, tuy nhiên bà T1 cũng không có khả năng trả và còn nợ lại bà T tổng số tiền là 764.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi bốn triệu đồng). Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà trả số tiền 764.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi bốn triệu đồng) thì bà thống nhất, nhưng do hiện nay bà không có khả năng trả 01 lần, nên bà xin trả 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ.

Ngoài ý kiến trình bày như trên, bị đơn T1 không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án; không có yêu cầu gì khác, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tung dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là "Hợp đồng vay tài sản". Về nội dung giải quyết vụ án: Tại phiên tòa các đương sự thống nhất với nhau về số tiền vốn vay,

bị đơn thừa nhận nợ và xin trả dần số tiền 3.000.000 đồng/tháng, nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn T1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Thu số tiền vốn vay là 764.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi bốn triệu đồng); đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền từ việc vay tiền nên quan hệ pháp luật của vụ án là Hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Xét về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do "Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự" và bị đơn cư trú tại ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Xét về sự tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề: Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập các tài liệu, chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung giải quyết:

[2.1] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bị đơn trả số tiền vốn vay*: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn vay là 764.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi bốn triệu đồng). Xét thấy: Căn cứ vào Tờ xác nhận nợ đã ký kết (Bút lục 03) và lời thừa nhận của bị đơn (bút lục từ 21 và 22), đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì có cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận giao kết hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn đồng thời bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền 764.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi bốn triệu đồng) là sự thật.

[2.2] Nguyên đơn Tăng Thị Ki T và bị đơn Dương Bích T có giao kết hợp đồng vay tài sản (vay không có lãi) để vay số tiền 764.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi bốn triệu đồng), các bên tiến hành giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hợp đồng trên có giá trị pháp lý. Hai bên đều thống nhất

xác định thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay, tuy nhiên đến nay bị đơn chưa trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay như đã thỏa thuận. Xét thấy nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên cho vay là giao cho bị đơn số tiền 764.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi bốn triệu đồng), nhưng bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên đã vi phạm Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán do đó việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn vay là 764.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi bốn triệu đồng) là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[2.3] Xét ý kiến của bị đơn đối với việc xin trả dần với phương thức trả 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ, nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị đơn.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí, trong vụ án nay nguyên đơn thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn tiền tạm ứng án phí, nên được Tòa án miễn tiền tạm ứng án phí. Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các 357, 463, 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tăng Thị Ki T đối với bị đơn bà Dương Bích T về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Dương Bích T có nghĩa vụ trả cho bà Tăng Thị Ki T số tiền vốn vay là 764.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi bốn triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 34.560.000 đồng (Ba mươi bốn triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THẠCH THỊ SA THE

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KTNV &THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Lưu (HSVA & TA).